

Bản án số: 62/2024/HNGĐ- ST
Ngày 26 tháng 9 năm 2024
V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Thành và bà Trần Thị Kim Khuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa:
Bà Đoàn Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024, về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thái Thị Thu T, sinh năm 1994 (có mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã N, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi ở hiện nay: Khu A, xã H, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu S, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 02/5/2024 quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Thái Thị Thu T trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Hữu S ngày 05/6/2012, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N. Sau khi kết hôn chị về làm dâu chung sống cùng gia đình anh S. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống anh S không chăm chỉ làm ăn, thường chơi cờ bạc nợ nần nhiều người dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Tháng 4/2024 chị T về nhà mẹ đẻ ở vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Đến

nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Nguyễn Hữu S.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 26/6/2013 và Nguyễn Thị Nguyệt N, sinh ngày 26/6/2016. Hiện nay cả hai con đang ở cùng anh S. Ly hôn chị T xin được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hữu S, Tòa án báo gọi nhiều lần nhưng anh S không đến Tòa làm việc nên không tiến hành hòa giải được. Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/8/2024 bà Nguyễn Thị L là mẹ anh S trình bày: Năm 2012 bà kết hôn cho anh S và chị T, gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới chị T về làm dâu và chung sống cùng gia đình bà. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn gì hay không thì bà không biết, nhưng theo bà gia đình bà nghèo nên chị T không ở. Nay chị T xin ly hôn quan điểm của gia đình bà và anh S đồng ý. Anh S ở cùng gia đình bà nhưng đi làm thỉnh thoảng về nhà những lần Tòa án báo gọi anh S gia đình đều nhận được và thông báo cho anh S nhưng do bận việc nên anh S không đến Tòa án làm việc. Về con chung vợ chồng có 02 con như chị T trình bày là đúng, hiện nay cả hai cháu đang ở cùng anh S và gia đình bà. Ly hôn bà đề nghị anh S được nuôi cả hai con. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức của anh chị không có gì.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/8/2024 cháu Nguyễn Thị Ngọc M trình bày: Cháu là con mẹ T bố S. Cháu học xong lớp 5 trường tiểu học N1, hiện nay cháu đang ở cùng bố, bố mẹ mâu thuẫn như thế nào cháu không biết, nguyện vọng mong muốn bố mẹ đoàn tụ, nếu bố mẹ ly hôn cháu xin được ở cùng bố.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/8/2024 cháu Nguyễn Thị Nguyệt N trình bày: Cháu là con mẹ T bố S. Cháu học xong lớp 2 trường tiểu học N1, hiện nay cháu đang ở cùng bố, bố mẹ mâu thuẫn như thế nào cháu không biết, nguyện vọng mong muốn bố mẹ đoàn tụ, nếu bố mẹ ly hôn cháu xin được ở cùng bố.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ, bị đơn không chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu

xin ly hôn của chị T. Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, chị T không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét; Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức chị T không đề nghị giải quyết nên không xem xét; Về án phí chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Thái Thị Thu T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Nguyễn Hữu S, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án: Ngày 02/5/2024 chị Thái Thị Thu T có đơn xin ly hôn đối với anh Nguyễn Hữu S. Vì vậy pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Hữu S vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung vụ án: Cuộc hôn nhân giữa chị Thái Thị Thu T và anh Nguyễn Hữu S là tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tiến bộ.

Về tình cảm: Sau khi kết hôn chị T và anh S có thời gian dài hòa thuận, hạnh phúc. Quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan sống, anh S không chăm chỉ làm ăn, thường chơi cờ bạc nợ nần nhiều người dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, tháng 4/2024 chị T về nhà mẹ đẻ ở, anh S và gia đình không dàn xếp gì để chị T về đoàn tụ. Đến nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn. Anh S không đến Tòa nên không biết quan điểm ra sao, Tòa án thông báo phiên hòa giải nhiều lần anh S cũng không đến Tòa điều đó thể hiện anh S không mong muốn chị T về đoàn tụ. Lời khai của bà L1 mẹ anh S cũng thể hiện anh S đồng ý ly hôn. Xác minh tại địa phương thể hiện vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2024. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do đó chị T xin ly hôn là có căn cứ. Vì vậy cần áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Thái Thị Thu T được ly hôn anh Nguyễn Hữu S.

Về con chung: Xét đề nghị của chị T về việc nuôi con Hội đồng xét xử thấy rằng: Về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm nuôi con chung của chị T và anh S đều như nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Tuy nhiên do hiện nay anh S thường xuyên đi làm ăn ít có điều kiện chăm sóc con chung và không thể hiện quan điểm. Do vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung sau ly hôn nên chấp nhận đề nghị của chị T về việc xin nuôi cả hai con, chị T không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Anh S không đến Tòa không rõ quan điểm ra sao nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi nào đương sự có yêu cầu Tòa án giải quyết bằng việc kiện dân sự khác.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

[6] Về án phí: Chị Thái Thị Thu T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Thái Thị Thu T được ly hôn anh Nguyễn Hữu S.

2. Về con chung: Giao cho chị Thái Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 26/6/2013 và Nguyễn Thị Nguyệt N, sinh ngày 26/6/2016 cho đến khi các con thành niên lao động tự túc được (hiện nay cả hai con đang ở cùng anh S). Chị T không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Thái Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0000304 ngày 07/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị T có mặt có quyền kháng cáo bản án. Anh S vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn

15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã N (để vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Sinh